

Thích Nhất Hạnh

Chiếc Áo

Kính thưa đại chúng, hôm nay là ngày 04 tháng 12 năm 2003, chúng ta đang ở tại chùa Pháp Vân xóm Thượng trong khóa tu mùa thu và học tiếp Lâm Tế Lục.

"Này các bạn tu, cái thấy về Phật pháp của tôi, tôi đã tiếp nhận được từ các hòa thượng Ma Cốc, Đan Hà, Đạo Nhất, Lô Sơn và Thạch Cung. Sự trao truyền của truyền thống này đã phổ biến trên thiên hạ, nhưng vì chưa tin nhận được nên nhiều người còn nhạo báng. Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả ba trăm năm mươi người tới học cũng không nắm bắt được. Tổ Lô Sơn thanh thoi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử cũng còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài. Tổ Đan Hà đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai không bị Tổ la mắng. Hành tung của Tổ Ma Cốc thì đấng như vỏ cây Hoàng Bá, ai đến gần cũng không được. Tổ Thạch Cung thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên làm cho ai nấy đều sợ hãi. Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thật (chân chính thành hoại). Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh, tôi đi vào được trong tất cả mọi cơ cảnh, và ở đâu tôi cũng duy trì được bản lĩnh của mình là vô sự, và cảnh không bao giờ đoạt được tôi. Nếu có ai tìm tới tôi sẽ đi ra nhìn người ấy. Kẻ ấy không biết tôi. Tôi liền mặc áo vào, áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi. Tội nghiệp cái ông thầy đui mù không mắt này quá đi; ông ta nhận lầm cái áo là tôi, cho tôi là hoặc vàng hoặc xanh hoặc trắng hoặc đỏ. Thấy thế tôi mới cởi hết áo đi và để lộ cái ‘thanh tịnh’ ra. Vị học nhân thấy thế, liền sinh tâm vui

mừng và ham muốn. Tôi liền cởi bỏ luôn cái áo ‘thanh tịnh’ ấy ra nữa. Bây giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuống bỏ chạy, nói rằng tôi ‘trần truồng như nhộng’. Tôi mới nói với kẻ ấy: ‘Chú có biết cái con người mặc áo trong tôi là ai chưa?’ Hốt nhiên kẻ kia quay đầu lại và nhận ra tôi."

"Nhu ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả ba trăm năm mươi người tới học cũng không nắm bắt được". Câu này tiết lộ rằng; trong tu viện của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất có 350 người xuất gia được nghe khai thị, và trong 350 người đó không có ai nắm được ý chỉ của Tổ. Bây giờ nếu trong pháp hội của thầy Nhất Hạnh mà không có vị đệ tử nào nắm được ý thầy thì đó cũng là chuyện thường thôi! Mã Tổ Đạo Nhất là một thiền sư lớn, thiền sư cự phách vào bậc nhất, nổi tiếng vô cùng. Đạo phong rất lẫm liệt, năng lượng rất vĩ đại, đó là sư cố của thiền sư Lâm Tế, thầy của tổ Bách Trượng Hoài Hải, Sư Ông của tổ Lâm Tế và là thầy của tổ Hoàng Bích Hy Vận, bốn sư của tổ. Ngày xưa ở chùa Bát Nhã, thiền sư Đạo Nhất rất siêng ngồi thiền. Ngồi thiền sáng, trưa, chiều, mười mấy giờ một ngày, có khi không ngủ. Hồi đó, thiền sư Nam Nhạc nghe tiếng đồn có một thầy chuyên ngồi thiền ở chùa Bát Nhã mới tìm tới để gặp. Khi gặp Mã Tổ và thấy người ngồi thiền siêng năng như vậy, thì thiền sư Nam Nhạc mới lượm một viên ngói ở ngoài vỉa hè và bắt đầu ngồi xuống để mài. Mài một hồi lâu không biết để làm gì. Lúc ấy thiền sư Mã Tổ mới hỏi: "Hòa thượng làm gì vậy?" Thiền sư Nam Nhạc: "Tôi đang mài viên ngói." Mã Tổ hỏi: "Mài ngói để làm gì mà tốn công như vậy?" Nam Nhạc: "Tôi mài ngói để làm tấm gương soi mặt." Mã Tổ: "Hòa thượng, sao ngài kỳ cục vậy! Làm sao mà có thể mài ngói thành ra tấm gương soi mặt cho được?" Nam Nhạc mới nhìn Mã Tổ nói rằng: "Vậy thì ngồi thiền làm sao mà thành Phật được?" Mã Tổ giật mình. Tổ Nam Nhạc nói: "Khi mà chiếc xe bò ngừng lại không đi, thì mình nên đánh chiếc xe hay là đánh con bò? Đánh con bò chứ đâu có thể đánh cái xe." Thiền không phải là vấn đề ngồi hay không ngồi. Nói rằng ngồi mới là thiền còn không ngồi không phải là thiền là sai trái. Ý của hòa thượng là thiền không nằm trong tư thế. Khi thiền thì ăn cơm, uống trà, gánh nước, bỏ củi, đi, đứng, nằm, ngồi, tất cả đều là thiền. Cứ nghĩ rằng chỉ có ngồi mới là thiền

thì sai. Vì vậy hòa thượng nói thêm: "Thiền không phải là ngồi hay là không ngồi. Không ngồi cũng không phải là thiền, mà ngồi cũng không phải là thiền." Ban đầu thì trong số 350 người Tổ không có đệ tử giỏi, nhưng sau này nhờ kiên nhẫn nên từ từ Tổ đã có những người đệ tử giỏi, trong đó có Tổ Bách Trượng.

Thiền sư Bách Trượng là người đã sáng chế ra một thanh quy nổi tiếng gọi là Thanh Quy Bách Trượng. Ngài là đệ tử của thiền sư Mã Tổ. Thiền sư Bách Trượng là Sư Ông của Tổ Lâm Tế. Thiền sư Bách Trượng nổi tiếng một phần cũng nhờ ở lời tuyên bố "Bất tác bất thực", tức là không làm thì không ăn. Thấy Tổ đã lớn tuổi mà khi nào cũng vác cuốc ra làm việc chung với chúng, chúng thương nên một hôm đi chấp tác, chúng dấu cuốc của Tổ đi. Bữa đó Tổ Bách Trượng không ra ăn cơm trưa. Chúng mới hỏi hòa thượng tại sao không ăn cơm trưa. Hòa thượng nói: "Ai đã dấu cái cuốc của tôi ở đâu mất rồi, hôm nay vì tôi không làm việc nên tôi không ăn. Có làm mới có ăn." Vì vậy thiền viện ngày xưa, đạo tràng nào cũng có vườn rau. Chùa Tổ Từ Hiếu có trồng sắn, trồng khoai, trồng rau, nuôi bò để lấy phân trồng rau. Các thầy, các sư cô làm việc ở ngoài vườn, trồng cây, trồng sắn, trồng rau rất đẹp. Có những thiền viện căn cứ trên sự canh tác mà sống, được gọi là những Nông Thiền (Farming Zen Institute). Trong khi làm việc ta vẫn thiền quán được như thường. Không có nghĩa là khi tưới rau, tưới cây, gánh nước, hay gieo hạt ta không tu thiền. Tất cả các chùa thuộc Mai Thôn đạo tràng đều có vườn rau: chùa Cam Lộ, chùa Pháp Vân, chùa Sơn Hạ, chùa Từ Nghiêm cũng vậy.

Tổ Đạo Nhất là người sáng tạo ra tiếng hét đầu tiên. Có một bữa Tổ hét quá lớn đến nỗi Tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng điếc tai đến ba ngày. Trong ba ngày đó Tổ không nghe được gì. Nhưng chính Tổ Lâm Tế mới là người chuyên sử dụng tiếng hét. Tiếng hét trở thành một pháp môn. Tiếng hét của sư cổ truyền lại tới đời của sư chút mới thành ra pháp khí. "Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất". "Ý chỉ" là đường lối, là tông chỉ. "Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả 350 người tới học cũng không nắm bắt được. Tổ Lô Sơn thanh thoi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử cũng còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài". Lô Sơn là một

cảnh núi rất đẹp, nhiều người ao ước tới thăm, ngày xưa có thiền sư Huệ Viễn cư trú trên đó. Tổ Lô Sơn tên là Quy Tông Trí Thường. Trí Thường cũng là đệ tử của Mã Tổ thiền sư, ngang hàng với Tổ Bách Trượng. Tổ Lô Sơn có một người đệ tử tên là Đại Ngu. Đại Ngu không có nghĩa là rất ngu đâu nhé. Chính nhờ Tổ Đại Ngu này mà Tổ Lâm Tế bừng tỉnh và giác ngộ. Hồi Tổ Lâm Tế tới học với tổ Hoàng Bích, thì vị thủ tọa nhắc Tổ: "Chú ở đây lâu rồi tại sao không lên thỉnh thầy để hỏi đạo?" Thầy Lâm Tế mới lên Tổ Hoàng Bích hỏi về đại ý Phật pháp. Mỗi lần hỏi như vậy thì bị Tổ đánh một cái. Cuối cùng quá tuyệt vọng Tổ muốn bỏ ra đi. Vị thủ tọa thấy Tổ Lâm Tế là người có khả năng mà bỏ ra đi như vậy thì hơi uổng, cho nên mới lên bạch với Tổ Hoàng Bích: "Lát nữa nếu thầy đó lên xin từ biệt thì xin Tổ nói câu an ủi, chỉ đường cho thầy ấy. Đó là một pháp khí trong tương lai." Khi thầy Lâm Tế lên thì Tổ Hoàng Bích hỏi: "Đi đâu?" Tổ Lâm Tế: "Con chưa biết đi đâu nữa." Tổ Hoàng Bích: "Thôi con đi tới Đại Ngu đi." Đại Ngu là đệ tử của Tổ Lô Sơn. Khi Lâm Tế tới Đại Ngu thì Đại Ngu hỏi: "Từ đâu tới vậy?" "Con từ đạo tràng Hoàng Bích tới." "Tạo sao bỏ tới đây?" Lâm Tế mới kể: "Con ở đó đã bao nhiêu năm, không biết con có làm nên làm lỗi gì không? Mỗi lần con lên hỏi là bị đánh. Hồi lần thứ hai bị đánh, hồi lần thứ ba cũng bị đánh. Mỗi lần lên là bị đánh. Con thất vọng quá thành ra xin đi." Đại Ngu mới nói: "Thầy là đồ ngu! Lòng từ bi của Tổ Hoàng Bích lớn như vậy mà thầy không thấy." Khi nghe câu đó thì tự nhiên trong lòng của Tổ Lâm Tế có sự bừng tỉnh. Thấy rõ ràng cái đánh đó không phải do ghét do giận mà là một pháp môn, đó là pháp môn Đoạt cảnh. Ta tìm kiếm một cái gì đó, bị kẹt vào một ý tưởng nào đó, một vấn đề gì đó, mà sự tìm kiếm không đưa tới kết quả. Cho nên cái đánh của Tổ là để cho ta chặt đứt được cái kẹt ấy đi, để ta đừng quen thói đi tìm về phía ấy nữa. Thi sĩ Hoàng Cầm ngoài Bắc có làm một bài thơ trong đó có một câu như thế này:

Ta ru em.

Lớn lên, em đừng đi tìm mẹ phía cơn mưa

Khi đọc mấy câu thơ đó tôi đã giật mình. Chúng ta đều là những người đi tìm mẹ, đi tìm lý tưởng. Chúng ta đi tìm lý tưởng về cái phía gọi là cách mạng bạo động. Đi về phía ấy chúng ta sẽ khổ,

chúng ta sẽ không tìm thấy mẹ. Thi sĩ Hoàng Cầm cũng là một người đã từng tham dự cách mạng. Văn nghệ sĩ miền Bắc khi diễn tả tâm mình không diễn tả được trực tiếp, phải nói bóng bẩy, phải nói bằng hình ảnh như vậy. Biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam đã lên đường, đã yêu thương giống nòi, đã yêu thương đất nước, muốn cống hiến cuộc đời mình cho đất nước, cho quê hương, đi tìm tổ quốc, đi tìm tương lai, nhưng đã đi về hướng cách mạng bạo động, rót cuộc tay mình phải nhúng máu của đồng bào mình, của anh em mình. Những người chiến sĩ Việt Nam khi ra đi họ ra đi với một tâm hồn rất trong trắng, nhưng rót cùng lại thì thấy bàn tay mình đẫm máu, máu của người đồng bào không cùng chính kiến. Cuối cùng thì sự tranh đấu đưa tới một tình trạng chia rẽ, tranh giành và tham nhũng. Những người có công với cách mạng, với cuộc tranh đấu, đã sống nghèo khổ, đói rách, lại bị kỳ thị. Trong khi những người theo cơ hội chủ nghĩa thì lên làm lớn. Câu thơ tuy rất đơn sơ nhưng đọc thì thấy rất thấm thía: "Ta ru em, lớn lên em đừng đi tìm mẹ phía cơn mưa".

Người tu đi tìm sự chứng ngộ giải thoát mà tìm cầu về phía trí năng thì không bao giờ đạt được. Vì vậy Tổ Lâm Tế giật mình khi thấy được rõ ràng cái đánh của Tổ Hoàng Bích là giúp chấm dứt sự tìm cầu về cái hướng trí năng. Tổ nói: "Trời ơi! Thì ra Phật pháp của Tổ Hoàng Bích cũng không có gì ghê gớm lắm" (There is not much in the teaching of Hoàng Bích). Nếu trong các sư chú sư cô Làng Mai, người nào mà nghĩ được như vậy về tôi thì người đó cũng khá. "Thầy Nhất Hạnh đâu có dạy gì nhiều!" (There is not much in the teaching of Thầy). Nếu nói được như vậy là giỏi lắm. Nhưng phải có kinh nghiệm trực tiếp mới được nói như thế. Còn nếu cứ nghĩ rằng: "Trời đất ơi! Bao giờ mình mới được như Thầy" là hồng rồi! Mình sẽ mãi mãi bị kẹt vào cái mặc cảm.

Lúc ấy Đại Ngu trừng mắt nói: "Ông nói gì? Ông vừa mới nói là không hiểu vì có lỗi gì mà mỗi lần hỏi là bị đánh. Vậy mà bây giờ ông dám nói là không có gì ghê gớm trong giáo lý của Hoàng Bích?" Lâm Tế mới co nắm tay và thụi thầy Đại Ngu ba cái. Cái đánh đó đã trở thành tình thương. Biết cái đánh đó là tình thương nên Tổ đánh thầy Đại Ngu ba cái để tỏ ra mình đang thương thầy Đại Ngu cũng như Tổ Hoàng Bích đã thương mình. Có giác ngộ thì

cái đánh mới biểu lộ được tình thương, nếu không nó chỉ biểu lộ sự ngu dốt hay là sự giận dữ. Có một lần trong một pháp hội lớn Tổ Lâm Tế nói: "Ngày xưa, Sư Ông đánh tôi ba cái mà tôi có cảm tưởng như là Sư Ông lấy một cành hoa nhũ hương đưa vào người tôi, đầy tình thương, rất nhẹ nhàng, rất thơm. Một nhành nhũ hương, một nhành ngải cứu. Tôi còn nhớ mãi cái hạnh phúc, cái sự dịu dàng được Sư Ông đánh ba cái. Trong chúng này ai có khả năng thay thế Sư Ông làm lại chuyện đó cho tôi hay không?" Lúc ấy có một thầy đi lên nói: "Con làm được." Tổ mới đưa vị ấy một cây gậy. Vị này vừa mới đưa tay ra nhận gậy thì bị Tổ đẩy một cái ngã lăn. Người đó không đủ tư cách để bắt chước Sư Ông Hoàng Bá. Không phải muốn đánh thì đánh được. Chúng ta thường đánh từ sự u mê giận dữ của mình. Khi Tổ đánh là hoàn toàn từ nơi tình thương lớn. Tiếng hét là một pháp môn, cây gậy cũng là pháp môn. Những pháp khí ấy phải nằm trong tay bậc giác ngộ thì mới được. Đệ tử của Tổ Lâm Tế nhiều người cũng bắt chước thầy hét, nhưng tiếng hét của nhiều người không có giá trị gì. Có một hôm Tổ mới kêu chúng lại mà nói rằng: "Đừng có bắt chước tôi! Nếu không phân biệt được chủ với khách, không thấy được Đạo, thì tiếng hét chỉ có hại thôi, không có lợi ích gì. Ví dụ có hai người đồng thời thấy nhau và cùng hét. Nếu không biết được ai là khách ai là chủ, nếu không thấy được nội dung tiếng hét thì đừng có hét. Từ rày trở về sau tôi cấm các thầy hét. Nếu các thầy không có được cái tuệ giác, cái tình thương trong con người của mình." Tổ đã cảnh cáo như vậy. Nhưng nhiều người vẫn bắt chước hét để có vẻ thiền sư.

"Tổ Lô Sơn thanh thoi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài. Tổ Đan Hà đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai không bị Tổ la mắng."

Bị Tổ mắng là tại ta ngu quá! Ta bị kẹt! Tổ la mắng mà ta tìm cách để phân bua thì Tổ không cho ta nói lại. Trong truyền thống thiền môn, khi thầy rầy mình đâu được nói lại. Dầu cho ta nghĩ thầy có tri giác sai lầm về mình, thầy nói oan cho mình, ta cũng không được nói lại. Tổ Đan Hà ngày xưa là học trò, nhưng cứ lộn độn với thi cử. Có một lần đi thi tổ gặp một thiện tri thức hỏi: "Ông đi đâu

đó?" "Tôi đi thi." "Thi để làm gì?" "Thi để làm quan." "Làm quan đâu bằng làm Phật, làm Phật sướng hơn nhiều." Hỏi: "Làm sao để làm Phật?" Nói: "Có Tổ Đạo Nhất đang mở đạo tràng lớn, anh tới học với Tổ Đạo Nhất đi." Chàng thư sinh tìm tới Tổ Đạo Nhất. Tổ Đạo Nhất gửi anh chàng tới Tổ Thạch Đầu. Tổ Thạch Đầu ở trên một ngọn núi có những tảng đá rất lớn. Tiếng đồn là những tảng đá trên đó trơn lấm, đi không khéo sẽ té. Cái trơn này không phải là cái trơn của đá, mà là cái trơn của giáo lý Thạch Đầu. Đan Hà ở với Tổ Thạch Đầu ba năm. Cuộc đất, làm vườn, trồng khoai, ngồi thiền, gánh nước, đủ thứ. Có một bữa đại chúng đi chấp tác, ai cũng cầm cuốc cầm thuổng đi làm việc. Đan Hà không cầm cuốc cầm thuổng mà lấy một chậu nước và thủ trong tay một cây dao cạo. Khi mọi người ra làm việc, Tổ bưng chậu nước tới Tổ Thạch Đầu lạy xuống và đưa con dao. Tổ Thạch Đầu cười rồi mới cạo đầu cho Đan Hà. Đan Hà tu tập dưới sự hướng dẫn của Tổ Thạch Đầu rất thành công. Ba năm sau Đan Hà trở về với Tổ Đạo Nhất. Trở về chùa, Đan Hà đi thẳng vào Tổ Đường không đánh lễ, leo lên lưng tượng đức Văn Thù mà ngồi. Đại chúng thất kinh không dám làm gì. Lên thưa Tổ, Tổ xuống thấy anh chàng đang ngồi, thích quá liền nói: "Ô! Ngã tử Thiên Nhiên." Ngã tử là con tôi. Thiên Nhiên là tự nhiên. Dịch là "Thiên Nhiên con ta". Lúc đó Đan Hà mới bước xuống lạy xuống: "Cám ơn hòa thượng đã cho con pháp danh." Từ đó Tổ Đan Hà có tên là Đan Hà Thiên Nhiên. Tổ tên là Đan Hà tại vì Tổ đã cư trú trên núi Đan Hà. Tổ sanh năm 739, tịch năm 824. Có một lần Tổ tới chùa Huê Lâm. Mùa đông trời lạnh quá. Thấy mọi người trong chùa tu học rất siêng nhưng mà cô chấp. Lạnh quá mà không có củi, Tổ mới lấy một tượng Phật chẻ ra và bỏ vào lò để sưởi. Tất cả các thầy ở trong chùa đều phản đối. Họ đi kiếm thầy Viện Chủ. Viện Chủ hỏi: "Tại sao dám đốt tượng Phật?" Tổ Đan Hà mới lấy cây que khươi tìm trong tro. Viện Chủ: "Tìm cái gì?" Tổ: "Tìm ngọc xá lợi." Viện Chủ hỏi: "Tượng gỗ làm sao có xá lợi?" Tổ mới nói: "Nếu tượng này không có xá lợi thì đem mấy cái tượng gỗ khác xuống đốt cho luôn." Lúc đó vị chủ chùa mới giác ngộ, mới biết rằng đây là một bài học cho mình. Đốt một tượng Phật mà giúp cho người giác ngộ thì cũng không tốn kém gì lắm. "Phật này không có xá lợi thì đốt Phật khác để tìm xá lợi." Đó là

câu chuyện Tổ Đan Hà. Tổ Đan Hà có làm những bài thơ thật là diễm lệ trong đó có bài nói về đề tài hạt châu, cho nên nói là "Tổ Đan Hà đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai là không bị Tổ la mắng". La mắng là tại mình ngu quá, cố chấp quá. Ngày xưa có các Tổ như vậy, bây giờ thầy mình có la rầy sơ sơ thì mình cũng đừng nên buồn. Sư anh, sư chị có la rầy sơ sơ đừng nên buồn.

"Hành tung của Tổ Ma Cốc thì đắng như vỏ cây hoàng bá, ai đến gần cũng không được" Cây hoàng bá có vỏ rất đắng. Vỏ cây hoàng bá có thể làm thuốc. Ta có thể lấy vỏ cây hoàng bá nấu lên thành màu vàng mà nhuộm y. Tiếng La Tinh của nó là *phellodendron amurense*. Đắng như vỏ cây hoàng bá nhưng mà trị bệnh được rất là nhiều. Đôi khi ta thấy lời của thầy mình đắng như vậy, cay như vậy mà trong đó có rất nhiều chất trị liệu. Hảo ngọt quen rồi thì ta không có cơ hội. Chính những cái đắng đó sẽ làm cho ta nên người.

"Tổ Thạch Cung thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên làm cho ai nấy cũng đều sợ hãi." Ai tới tham vấn, Tổ đưa cung lên và nhắm vào làm người nào cũng sợ. Tổ mà bắn cho một phát thì ôi thôi, chắc chết! Ngày xưa trước khi đi tu Tổ Thạch Cung là một người thợ săn, bắn cung rất giỏi. Có một lần đi ngang qua thạt của Mã Tổ Đạo Nhất, gặp Tổ đang làm vườn, Thạch Cung hỏi: "Trong núi này có nai không?" Mã Tổ Đạo Nhất: "Hỏi làm gì vậy?" Thạch Cung: "Con là người chuyên môn bắn nai." Mã Tổ: "Mỗi mũi tên bắn được mấy con?" Thạch Cung: "Bắn mỗi lần được một con. Bắn trăm phát trăm trúng." Tổ mới cười: "Như vậy là chưa biết bắn nai. Bắn một phát trúng một con thì có nhằm nhò gì." Thạch Cung: "Như vậy thầy biết bắn không?" Tổ: "Biết chứ sao không!" Thạch Cung: "Bắn một lần được mấy con?" Tổ: "Bắn hết cả đàn với một mũi tên thôi." Thạch Cung (tuy là thợ săn, nhưng trong lòng vẫn còn ý niệm về sinh môi): "Nai cũng là sinh mạng, bắn một con để sinh sống thôi, tại sao lại phải bắn hết cả đàn nai như vậy? Thầy nói như vậy con không hiểu? Lòng từ bi của thầy để ở đâu?" Lúc đó Tổ mới cười: "Biết như vậy tại sao anh không bắn anh một phát đi?" Thạch Cung nói: "Thầy nói vậy con cũng chưa hiểu." Tổ nói: "Cha! Anh chàng này tuy trong bao nhiêu kiếp nghiệp chương chất chứa

nặng nề, u tối mà ngày hôm nay có cơ hội chấm dứt được rồi."

Nghe câu nói ấy người thợ săn Thạch Cung quỳ xuống xin làm đệ tử xuất gia. Từ đó Thạch Cung không còn săn bắn nữa, nhưng thầy vẫn giữ cây cung để làm kỷ niệm. Và bây giờ nó trở thành một pháp khí. Khi có người đến tham vấn, ngài giương cung lên làm người kia khiếp sợ. Mấy chục năm cứ làm như vậy, ai cũng sợ ngài cả. Một hôm, có một thầy tên là Tam Bình Nghĩa Trung tới tham vấn. Tổ cũng giương cung ra. Tam Bình chịu chơi, cởi áo tràng, đưa ngực ra, nói: "Thầy bắn đi! Mũi tên này là mũi tên giết người. Còn mũi tên cứu người ở đâu, sao không đem ra sử dụng?" Nghe nói vậy, Tổ Thạch Cung mới giật giây cung ba lần: Bưng! Bưng! Bưng! Thầy Nghĩa Trung xá và lạy xuống, coi như mình đã nhận được mũi tên cứu người và trở thành đệ tử. Lúc đó Tổ Thạch Cung nói: "Trời đất ơi! Ba mươi năm đi tìm một người, bây giờ mới tìm ra được." Từ đó về sau Tổ bẻ gãy cây cung.

"Tổ Thạch Cung thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên làm cho ai nấy đều sợ hãi. Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thật (chân chính thành hoại)". Thành hoại đây có nghĩa là thành lập để mà phá hoại. Tạo dựng ra một cái gì đó để rồi phá hoại, và khi phá hoại xong mới xây dựng ra được một cái mới, gọi là một cái "new being". Những lời dạy của Tổ, những pháp môn của Tổ là những phương tiện để phá hoại, để đập vỡ, để giải cứu. Khi vô minh bị phá hoại thì trí tuệ được sanh ra, đó gọi là chân chính thành hoại. Đây không phải là sự thành hoại tầm thường, đây là sự thành hoại siêu việt. Thành để mà hoại, hoại để mà thành trở lại. Đó là quá trình chết đi sống lại. Có chết đi trong đời sống u mê mới sinh ra trong đời sống của trí tuệ. Có chết đi trong đời sống vương mắc mới sinh ra trong đời sống tự do.

"Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh". Có thần biến thì muốn gì được nấy. Ta có phép thần thông, ta có thể đùa bỡn được. Ta sử dụng thần thông của ta một cách rất tự nhiên và tự do. Khi nâng chén trà lên uống, ta sử dụng cái trí tuệ, cái tâm chiếu sáng để thấy tất cả các tổ tiên tâm linh và tổ tiên huyết thống của ta đồng thời đều đang đưa hai tay nâng chén trà lên. Đây là sự thật chứ không phải là sự tưởng tượng. Khoa học cho biết tất cả tổ tiên của chúng

ta đều đang có mặt trong từng tế bào của cơ thể dưới hình dạng của những nhiễm thể. Tất cả vốn liếng di truyền của tổ tiên đều đang có mặt trong từng tế bào của cơ thể. Tất cả những thành công, thất bại, khổ đau và hạnh phúc của tổ tiên huyết thống đều đã được trao truyền trong từng tế bào của ta. Những tuệ giác, những thành công và những thất bại của tổ tiên tâm linh cũng đã trao truyền cho ta. Sử dụng tâm mà thấy được, đó là phép lạ, đó là thần biến. Khi bước một bước chân đi, ta thấy tất cả tổ tiên cùng bước một lần, cùng có mặt một lần, đó là thần biến. Và người nào làm cũng được. Ví dụ như ta đang ngồi đây. Ngồi có ý thức, ngồi có chánh niệm thì thấy rằng nơi chỗ ta đang ngồi đây đã có hàng trăm, hàng vạn, hàng triệu người đã từng ngồi đây. Có khi nào ngồi, mà ta thấy được điều đó không? Có những người, những sinh vật đã sinh ra ngay chỗ này, và có những người, những sinh vật cũng đã chết ngay ở chỗ này. Chết vì bị người ta bắn, người ta giết, hay chết vì già, hay bệnh, và chết ngay chính ở chỗ ta đang ngồi.

Nếu ngồi với trí tuệ, ta thấy có thể có một đức Thế Tôn đã sinh ra hoặc đã nhập diệt ngay chỗ ta đang ngồi. Khi thấy được như vậy, tức là ta đang sử dụng cái tâm sáng chói của mình. Trong đời sống hàng ngày, ta không sử dụng cái tâm đó, ta sống u mê trong sự quên lãng. Ta có phép thần biến mà ta không biết sử dụng. Ta uống trà như một người mê ngủ. Ta bước đi như một kẻ mộng du. Ta không sống với cái trí tuệ và cái thần biến đó.

"Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thật (chân chính thành hoại). Tôi đùa bỡn với sự thành biến tâm linh, tôi đi vào được trong tất cả mọi cơ cảnh. (Mọi hoàn cảnh, mọi căn cơ tôi đi vào được hết. Đi vào thế giới Tịnh độ tôi cũng đi vào được, đi vào địa ngục tôi cũng đi vào được, đi vào trong tâm anh tôi đi vào cũng được, đi vào trong tâm chị tôi đi vào cũng được) và ở đâu tôi cũng duy trì bản lĩnh của mình là vô sự, và cảnh không bao giờ đoạt được tôi." Đi vào đâu tôi cũng đi với con người tự do. Bất cứ một đối tượng nhận thức nào cũng không thể bắt tôi được như là ma bắt. Đi vào sắc tôi tự do, sắc không bắt được tôi, đi vào thanh tôi cũng tự do, thanh không bắt được tôi. Những tư tưởng uyên áo kỳ diệu là đối tượng của ý; tôi đi vào pháp, chúng cũng không bắt được tôi, tôi vẫn tự do như thường, vì tôi là người

Vô sự. Đọc một cuốn sách mà mê là không có tự do. Nghe một bản nhạc mà mê là không có tự do. Mê tức là bị Ma bắt rồi. Có khi Ma đó là Ma Phật hay là Ma pháp. Đó là những con Ma làm ta mất tự do. Người ta nói rằng khi bị ngũ dục lôi kéo tức là mình bị Ma kéo. Nhưng nếu mình bị những tư tưởng uyên áo, những hình ảnh tốt đẹp hấp dẫn như hình ảnh của Bụt, Bồ tát, Tỳ-lô-giá-na lôi kéo thì đó cũng là Ma. Như vậy là mình đang bị cảnh đoạt. Mình không phải là người tự do, mình không phải là người Vô sự.

"Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh, tôi đi vào được trong tất cả mọi cơ cảnh. và ở đâu tôi cũng duy trì bản lĩnh của mình là vô sự, và cảnh không bao giờ đoạt được tôi. Nếu có ai tìm tới, tôi sẽ đi ra nhìn người ấy". Nhìn thôi, nhưng mà nhìn bằng con mắt nào? Bằng con mắt của một vị thiền sư, bằng con mắt quán chiếu, thấy được chiều sâu, thấy được tim đen của người đó. Người đó có thao thức gì, có đam mê gì, có ý nguyện gì, đang bị kẹt vào cái gì, Tổ đều thấy được hết. Ta lấy kinh nghiệm của ta, tuệ giác của ta để nhìn, gọi là quán cơ. Quán cơ tức là nhìn trường hợp ấy để biết, nếu không biết thì không giúp được người kia. "Kẻ ấy không biết tôi mà tôi biết kẻ ấy". Tại kẻ ấy chưa có con mắt quán chiếu nên kẻ ấy không biết tôi, nhưng mà tôi có con mắt quán chiếu thì tôi biết kẻ ấy. Khi biết được thế gian, biết được con người, biết được cuộc đời, thì ta mới có thể độ được thế gian, độ được cuộc đời, độ được con người. Thế Gian Giải (lokavidhu) là một trong mười tôn hiệu của đức Thế Tôn. Thế Gian Giải là hiểu được thế gian, hiểu được con người. Thiền sư hiểu được con người, nhưng con người chưa hiểu được thiền sư.

"Tôi thấy được người đó nhưng người đó không có thấy tôi. Kẻ ấy chưa thấy tôi. Tôi liền mặc áo vào (Thế nào cũng phải mặc áo chứ. Tiếp khách không mặc áo sao được). Áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi". Ta phải mặc vào một cái áo. Thầy là cái áo, đệ tử là cái áo, xuất gia là cái áo, tại gia là cái áo, tất cả đều là áo hết. Năm 1950, 51 gì đó, có một lần công an đến chùa Linh Sơn để tìm tôi, tại họ nghe tôi có những tư tưởng thân kháng chiến. Hồi đó tôi đã xuất bản những tập thơ, những cuốn sách rồi. Ông công an ấy tới

chùa Linh Sơn ở Đà Lạt, gặp tôi đang mặc áo nhật bình, ông hỏi: "Chú cho tôi gặp thầy Nhất Hạnh." Tôi nói: "Dạ, bác ngồi đây một chút." Tôi đi lên lầu mặc áo tràng vô rồi đi xuống và nói: "Dạ thưa ông, tôi là thầy Nhất Hạnh." Hai cái áo, chưa chắc áo nào đã là thầy Nhất Hạnh. Áo nhật bình chưa chắc là thầy Nhất Hạnh, mà áo tràng cũng chưa chắc là thầy Nhất Hạnh. Ông ta hơi nhọc nhằn, thấy ông thầy này cũng ngộ. Cố nhiên là thầy Lâm Tế phải mặc một cái áo nào đó. "Tôi liền mặc áo vào, áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải", tức là người ấy có ý niệm về thiền sư: (thiền sư này ghê quá!) Thiền sư này hay, thiền sư này giỏi, thiền sư này thanh tịnh, thiền sư này giải thoát, thiền sư này vững chãi, thanh thoi, có những cái kiến giải siêu việt như vậy. "Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi". Khi nói thì phải dùng danh từ, mà nghe cái gì ra thì người ta kẹt vào cái đó. Học chánh niệm, nói chánh niệm hay quá, rồi cho chánh niệm là cái hay nhất trong đời. Chánh niệm trở thành ra cái gông cùm. Trong khi đó ta không thực tập chánh niệm, ta không biết cái gì thực sự là chánh niệm. Ở trong chúng ta, nhiều người có khuynh hướng truyền đạo (missionary). Ta không ưa tu, ta chỉ ưa truyền đạo. Có tư tưởng gì hay, ta muốn đem đi truyền bá ngay. Ta lấy thời giờ và cả cuộc đời của ta để làm một nhà truyền giáo, quảng bá cái tư tưởng mà ta tin là chân lý. Đó là phong cách của rất nhiều người.

"Kẻ học nhân thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi. Tội nghiệp cái ông thầy đui mù không mắt này quá đi; ông ta nhận lầm cái áo là tôi, cho tôi là hoặc vàng hoặc xanh hoặc trắng hoặc đỏ". Anh đang kẹt vào những cái áo đó. Cố nhiên áo thì có nhiều màu. Không phải màu Bụt thì màu Duyên Giác, màu Thanh Văn, màu bồ tát, hoặc màu a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v... Thầy này là xanh, thầy này là đỏ, thầy này là vàng, thầy này là tím... "Thấy thế tôi mới cởi hết áo đi và để lộ cái 'thanh tịnh' ra". Thanh tịnh ở đây tức là ý niệm phải vượt thoát, là không có áo. Những cái áo là những cái không ngôn, những giả danh, những phương tiện mà ta chẳng nên kẹt vào. Giáo lý về giả danh, giáo lý về phương tiện, những giảng giải, những ý niệm về Bụt, bồ tát, giải thoát v.v... đều là những loại áo. Ta không kẹt vào

những danh từ, người kia cũng muốn vượt thoát, đó gọi là đem cái thanh tịnh ra. Dùng áo để mà diệt áo. Ví dụ như người ta chấp vào Có thì mình hiển tưng giáo lý Không. Thành ra cái áo Không là giúp để lột cái áo Có. Khi lột được áo Không thì mới thật là lột được áo. Cái thanh tịnh này là vậy. Nhưng cũng đừng có chấp vào cái thanh tịnh vì nó cũng là một thứ áo. "Vị học nhân thấy thế, liền sinh tâm vui mừng và ham muốn." Chúng ta rất hâm mộ những cái gọi là Niết bàn, vượt thoát sinh tử, vượt thoát những ý niệm có, không, còn, mất, đến, đi, một và nhiều. Tưởng là mình nắm được Niết bàn rồi. "Thấy thế tôi mới cởi hết áo đi và để lộ cái 'thanh tịnh' ra. Vị học nhân thấy thế, liền sinh tâm vui mừng và ham muốn. Tôi liền cởi bỏ luôn cái áo 'thanh tịnh' ấy ra nữa. Bấy giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuống bỏ chạy, nói rằng tôi 'trần truồng như nhộng'". Con người thật không có áo. Dù đó là áo Bụt, áo Bồ Tát, áo Duyên Giác, áo Thanh văn, áo Niết Bàn. Thật ra Niết Bàn là sự vắng mặt của tất cả các thứ áo, dù cái áo có tên là Niết Bàn. Tới đây thì chúng ta biết thêm về con người thật (vô vị chân nhân) của chúng ta. Con người thật không phải là con người muốn gì làm đó. "Bấy giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuống bỏ chạy, nói rằng tôi 'trần truồng như nhộng'". Nhộng tức là một loại sâu làm ra tơ lụa. Đọc tới đây, tôi nhớ tới câu chuyện thần kỳ của Andersen. Andersen là một nhà văn Đan Mạch chuyên viết chuyện đời xưa. Câu chuyện như thế này: "Ngày xưa có một ông vua ưa mặc áo đẹp. Ông muốn những thứ lụa là vải vóc đẹp nhất xứ đem đến để may cho ông. Những ông thợ giỏi nhất xứ đều tới để phục vụ cho vua. Một hôm có một ông thợ tới thưa rằng: "Muôn tâu bệ hạ, thứ lụa mà hạ thần tìm được này là hy hữu có một không hai trên thế giới." Và đưa tấm lụa ra mà vua không thấy. Ông thợ nói: "Tấm lụa này chỉ những người có đức hạnh mới thấy, còn những người có những tội lỗi đầy trời thì không bao giờ thấy được." Vua cũng muốn được công nhận là mình có đức hạnh, cho nên vua nói: "Chà! Lụa đẹp thật đó. Như vậy thì khanh may cho ta một cái áo thật đẹp với thứ lụa này. Và để chắc ăn lụa này là lụa đẹp nhất, ta gọi các triều thần lên chiêm ngưỡng." Triều thần lên; từ thủ tướng, phó thủ tướng, đến các bộ trưởng đều tới. Vua hỏi: "Đẹp không?" Ai cũng suýt xoa khen đẹp, không ai dám nói rằng mình

không thấy. Tại vì không thấy tức là người có tội lỗi, người không có đức hạnh. Thấy ai cũng đều khen, vua tin chắc rằng lụa này quả thật đẹp nhất trên thế giới. Ông thợ nói: "Một tháng rưỡi hạ thân mới may xong và dâng lên cho bệ hạ." Đến ngày để thử áo, vua mời cung tần mỹ nữ và hoàng gia tới để xem. Người nào cũng tán thưởng: "Hoàng thượng hôm nay mặc cái áo đẹp quá trời!" Ai cũng khen ngợi là áo tuyệt đẹp. Có người đề nghị là nên mở một cuộc diễn hành trong thành phố, để cho mọi người ai cũng thấy cái áo đẹp trên đời chưa bao giờ từng có. Dân chúng đã được loan báo là ông vua sẽ mặc cái áo tơ lụa đẹp nhất. Và xe giá đi tới đâu ông vua cũng được tung hô: "Hôm nay hoàng đế mặc áo đẹp quá!" Đến khi đám rước đi qua một ngã tư thì có một đứa nhỏ la: "Trời đất ơi! Ông này không có mặc quần áo!" Cha của đứa bé liền la: "Trời đất! Mày đừng có nói như vậy." Và vội kéo thằng nhỏ vô nhà, sợ nó sẽ bị chém đầu. Nhưng sự thật đã được một đứa con nít nói ra. Chỉ vì con nít không sợ chết, không có mặc cảm tội lỗi cho nên chúng mới dám nói ra sự thật. Đó là câu chuyện của Andersen. Ông vua không có áo mà tất cả thần dân trong nước đều khen là vua mặc áo đẹp. Chuyện này là chuyện có thật. Có những vị giáo chủ, có những bậc đạo sư dõm được nhiều người núp phục tôn thờ. Những người đó kỳ thực trần truồng như ông vua kể trên, không có một manh áo đạo đức, không có một manh áo tuệ giác nhưng người ta vẫn tôn phục như thường. Không những ở Ấn Độ mà bên Mỹ cũng vậy. Khắp nơi, nhiều người khen ngợi có những chiếc áo rất là đẹp, nhưng mà những cái áo đó là những cái áo do tâm ý tạo ra. Đó là những tạo tác thuần túy của tâm ý. Chuyện mặc áo cũng như chuyện thấy áo là đề tài rất thú vị.

"Tôi mới nói với kẻ ấy: ‘Chú có biết cái con người mặc áo trong tôi là ai chưa?’ (have you seen the man that wears the dress?)" Chú đã thấy người mặc áo hay là chỉ mới thấy cái áo? Phải có người mặc áo thì mới có chuyện mặc áo được. Vấn đề là thấy được con người chứ không phải thấy được áo. "Hốt nhiên kẻ kia quay đầu lại và nhận ra tôi." Đó là sự thành công. Ban đầu vị thiền sinh tới, thiền sư thấy được người đó, người đó chưa thấy được thiền sư. Sau một thời gian làm sao không biết, vị thiền sinh đó thấy được thiền sư. Đó là sự thành công lớn. Đoạn văn này là một bản nhạc tâm linh rất

là hào hùng, có thể còn hay hơn những bản nhạc của Bach, của Chopin, của Mozart.

"Này các vị đại đức! Các vị đừng kẹt vào cái áo. Áo là bất động, chỉ có người mới có thể mặc áo. Có áo thanh tịnh, có áo vô sinh, có áo bồ đề, có áo niết bàn, có áo Tổ, có áo Bụt. Các vị đại đức, nếu những cái đó chỉ là âm thanh, danh từ và văn cú thì tất cả đều chỉ là những chiếc áo được biến hiện ra, vận dụng từ huyết khí hải dưới rốn đi lên làm hàm răng kêu lách cách phát ra thành câu, thành ý, nên biết rõ những thứ ấy chỉ là trò huyễn hóa". Huyết khí hải là huyết ở dưới rốn, và người ta tin rằng hơi thở của mình bắt đầu từ huyết khí hải (hơi thở bụng, hơi thở sâu) chỗ phát xuất của hơi thở. Ngày xưa Tổ cũng biết nghệ thuật châm cứu, biết tên các huyết, trong đó có huyết khí hải (ocean of energy). "Này các vị đại đức, bên ngoài là hành động phát ra âm thanh ngôn ngữ, bên trong là tâm tư phát sinh ý niệm, hành động, âm thanh, ngôn ngữ, tất cả chỉ đều là những loại áo. Tại sao các vị lại nhận những cái áo ấy làm kiến giải chân thật? Nếu cứ tiếp tục như thế thì dù có tu trải qua muôn vạn kiếp nhiều như vi trần cũng chỉ là để hết mặc áo này lại mặc áo khác (chưa phải là thần thông mà chỉ là y thông)". Chữ y đây là chơi chữ. Chữ y trong kinh là nương tựa (ashraya). Chữ y ở đây cũng có nghĩa là áo. Y là chỗ nương tựa, y cũng là áo, chưa đạt được thần thông, mới đạt được y thông tức là mới có áo thôi.

"Chưa thoát được luân hồi sinh tử, không bằng thực tập con người vô sự." "Gặp nhau không biết nhau, trò chuyện tên chẳng biết." Đó là tình trạng rất phổ cập. Hai người gặp nhau mà không biết nhau. Trong khi nói chuyện tên của nhau cũng không biết. Đó là trường hợp của rất nhiều cặp thầy trò. Giữa thầy trò không có sự truyền thông rõ ràng. Thầy không biết trò là ai, trò không biết thầy là ai. Đôi khi làm thầy trò với nhau ba chục năm vẫn không có sự truyền thông, thầy không hiểu được trò, trò không hiểu được thầy. Tương phùng bất tương thức, gặp nhau không biết nhau, cộng ngữ bất tri danh, cùng nói với nhau mà không biết được tên của nhau. Tên ở đây là một giao thiệp hình thức, những thực tập hình thức, không có sự thông cảm của hai trái tim, nơi trái tim của người đệ tử chưa bao giờ có dấu ấn đích thực của vị thầy, dù đã có làm lễ truyền đăng. (LTLM-27)